

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

NGHỊ ĐỊNH
QUY ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

2. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Doanh nghiệp.

5. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi là cơ quan giúp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện (theo phân cấp quản lý theo pháp luật về thủy lợi) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

2. Mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là mặt nước tại các đập thủy lợi và hồ chứa nước.

3. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là việc Nhà nước chuyển giao quyền khai thác tài sản cho đơn vị khai thác tài sản kết cấu hạ tầng kinh doanh hạ tầng thủy lợi trong một thời hạn nhất định theo Hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.

4. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là việc Nhà nước chuyển giao trong một thời gian nhất định quyền khai

thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.

5. Bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là việc Nhà nước chuyển giao quyền sở hữu tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên đất (không bao gồm quyền sử dụng đất) cho các tổ chức để quản lý, sử dụng và khai thác vào mục đích cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi để nhận một khoản tiền tương ứng. Tổ chức mua tài sản không được thay đổi công năng của tài sản; việc quản lý, sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Mọi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý đều được Nhà nước giao cho đối tượng quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước.

3. Nhà nước từng bước tính đúng, tính đủ chi phí sử dụng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và thực hiện khai thác theo cơ chế thị trường. Khi sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi vào cung cấp sản phẩm, dịch vụ có mục đích kinh doanh không được ảnh hưởng đến hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

4. Nhà nước khuyến khích thực hiện xã hội hóa nhằm đa dạng hóa nguồn lực để duy trì, phát triển, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

5. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải đảm bảo công khai, minh bạch; được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

7. Việc quản lý, sử dụng đất thuộc phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

8. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không còn khả năng khai thác, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; không phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì việc thu hồi đất gắn với tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

9. Việc đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương II QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC

TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Mục 1. GIAO TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 5. Phân loại tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (bao gồm cả đất gắn với công trình thủy lợi) do Nhà nước đầu tư, quản lý quy định tại Nghị định này là tài sản công gồm: Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trực tiếp liên quan đến vận hành, khai thác công trình thủy lợi và công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trực tiếp liên quan đến vận hành, khai thác công trình thủy lợi gồm: Đập (đập thủy lợi và các công trình phụ trợ gắn liền với đập thủy lợi), hồ chứa nước (gồm đập tạo hồ, tràn, cống, lòng hồ, cống lấy nước, cống xả đáy...), cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi.

3. Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi gồm: Nhà, trạm, đường quản lý, thiết bị quan trắc, kho, bãi vật tư, cột mốc chỉ giới, biển báo, trong đó:

- **Phương án 1:** bao gồm trụ sở, văn phòng làm việc của đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

- **Phương án 2:** không bao gồm trụ sở, văn phòng làm việc của đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

4. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt, công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Thủy lợi.

5. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là các tài sản không thuộc khoản 4 Điều này.

Điều 6. Đối tượng và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm:

- a) Doanh nghiệp nhà nước;
- b) Đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là đơn vị);
- c) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi (sau đây gọi là cơ quan).

2. Hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao cho doanh nghiệp nhà nước theo hình thức ghi vốn/ghi tăng hoặc không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được:

Giao theo hình thức ghi tăng tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

Giao theo hình thức ghi tăng tài sản cho cơ quan chuyên môn về thủy lợi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

Giao cho doanh nghiệp nhà nước quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo hình thức ghi vốn/ghi tăng hoặc không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp của pháp luật thủy lợi được:

Giao theo hình thức ghi tặng tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

Giao theo hình thức ghi tặng tài sản cho cơ quan chuyên môn về thủy lợi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 7. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý theo quy định của pháp luật về thủy lợi cho doanh nghiệp nhà nước.

1. Thẩm quyền quyết định giao tài sản:

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo hình thức ghi vốn/ghi tặng vốn cho doanh nghiệp nhà nước hoặc không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước.

2. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp thủy lợi được đầu tư xây dựng, mua sắm mới); đơn vị chủ trì xử lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác lập quyền sở hữu toàn dân) có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi. Hồ sơ gồm:

Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có)): 01 bản chính;

Biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm mới): 01 bản chính;

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân (đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân): 01 bản chính;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản và bản sao hồ sơ kèm theo gửi lấy ý kiến của cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công và cơ quan có liên quan. Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án giao tài sản cho doanh nghiệp nhà nước; trong đó xác định cụ thể đối tượng giao, hình thức giao (ghi vốn/ghi tặng vốn hoặc không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, trường hợp ghi vốn/ghi tặng vốn nhà nước cho doanh nghiệp nhà nước thì giá trị vốn là bao nhiêu), lý do giao; danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có)): 01 bản chính;

Ý kiến bằng văn bản của doanh nghiệp nhà nước dự kiến được giao tài sản: 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại điểm a khoản này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về thủy lợi; cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công, cơ

quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về dự thảo phương án giao tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi hoàn thiện phương án, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án giao tài sản cho doanh nghiệp nhà nước quản lý; trong đó xác định cụ thể đối tượng giao, hình thức giao (ghi vốn/ghi tăng vốn cho doanh nghiệp nhà nước hoặc không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, trường hợp ghi vốn/ghi tăng vốn nhà nước cho doanh nghiệp nhà nước thì giá trị vốn là bao nhiêu), lý do giao; danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có)): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Các hồ sơ nêu tại điểm b khoản này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định giao tài sản cho doanh nghiệp nhà nước hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản không phù hợp.

e) Quyết định giao tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

Tên doanh nghiệp nhà nước được giao tài sản;

Hình thức giao tài sản (ghi vốn/ghi tăng vốn cho doanh nghiệp nhà nước hoặc không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, trường hợp ghi vốn/ghi tăng vốn nhà nước cho doanh nghiệp nhà nước thì giá trị vốn là bao nhiêu);

Danh mục tài sản giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có));

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

3. Căn cứ Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan chuyên môn về thủy lợi chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công và bên giao, bên nhận tài sản tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản. **Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành biên bản.**

4. Sau khi tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, việc quản lý, sử dụng tài sản được thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp thủy lợi theo hình thức ghi vốn/ghi tăng vốn thì doanh nghiệp nhà nước thực hiện thủ tục ghi vốn/tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành về thủy lợi và pháp luật có liên quan; trong đó:

- Không được sử dụng làm tài sản đảm bảo, cầm cố, thế chấp vay vốn.

- Khi chuyển đổi công năng gắn với chuyển mục đích sử dụng đất, bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thì doanh nghiệp phải báo cáo đại diện chủ sở hữu có ý kiến trước khi quyết định theo thẩm quyền hoặc xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

- Phải thực hiện chế độ báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Nghị định này.

- Việc quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về thủy lợi và pháp luật có liên quan.

- Doanh nghiệp nhà nước thực hiện đánh giá lại tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được giao theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành về thủy lợi và pháp luật có liên quan.

b) Đối với trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp thủy lợi theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước thì doanh nghiệp thực hiện quản lý, sử dụng tài sản được giao theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về thủy lợi, pháp luật có liên quan và quy định tại Nghị định này.

Điều 8. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật về thủy lợi cho doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan chuyên môn về thủy lợi

1. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý theo quy định của pháp luật về thủy lợi cho doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, **cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của mình.**

2. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được đầu tư xây dựng, mua sắm mới); đơn vị chủ trì xử lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác lập quyền sở hữu toàn dân) có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi. Hồ sơ gồm:

Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có)): 01 bản chính;

Biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm mới): 01 bản chính;

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân (đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân): 01 bản chính;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản và bản sao hồ sơ kèm theo gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan. Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án giao tài sản cho đối tượng quản lý; trong đó xác định cụ thể đối tượng giao, hình thức giao (trường hợp giao cho doanh nghiệp nhà nước thì ghi vốn/ghi tăng vốn hoặc không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nếu ghi vốn/ghi tăng vốn nhà nước thì giá trị vốn là bao nhiêu), lý do giao; danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có)): 01 bản chính;

Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp dự kiến được giao tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (đối với trường hợp đối tượng dự kiến được giao tài sản là cơ quan, đơn vị) (nếu có): 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại điểm a khoản này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về thủy lợi; cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về dự thảo phương án giao tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi hoàn thiện phương án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án giao tài sản cho đối tượng quản lý; trong đó xác định cụ thể: đối tượng giao, hình thức giao (trường hợp giao cho doanh nghiệp nhà nước thì ghi rõ là ghi vốn/ghi tăng vốn cho doanh nghiệp hoặc không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nếu ghi vốn/ghi tăng vốn nhà nước thì giá trị vốn là bao nhiêu), lý do giao, danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có)): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Các hồ sơ nêu tại điểm b khoản này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản không phù hợp.

e) Quyết định giao tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản;

Hình thức giao tài sản (trường hợp giao cho doanh nghiệp nhà nước thì ghi rõ là ghi vốn/ghi tăng vốn cho doanh nghiệp hoặc không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nếu ghi vốn/ghi tăng vốn nhà nước thì giá trị vốn là bao nhiêu);

Danh mục tài sản giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có));

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

g) Căn cứ Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về thủy lợi chủ trì, phối hợp với cơ quan tài

chính cùng cấp và bên giao, bên nhận tài sản tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành biên bản.

3. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị được giao tài sản và có văn bản gửi lấy ý kiến cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan. Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có)): 01 bản chính;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chuyên môn về thủy lợi; cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về dự thảo phương án giao tài sản.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm b khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi hoàn thiện phương án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án giao tài sản trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Các hồ sơ nêu tại điểm a khoản này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao và khai thác tài sản không phù hợp.

e) Quyết định giao tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

Tên cơ quan đề nghị giao lại tài sản;

Tên cơ quan chuyên môn về thủy lợi được giao tài sản;

Hình thức giao tài sản;

Danh mục tài sản giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có));

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Sau khi tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng cấp thủy lợi:

a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản có trách nhiệm hạch toán tài sản theo quy định.

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã giao cho cơ quan, đơn vị và giao cho doanh nghiệp nhà nước theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì việc thực hiện quản lý, sử dụng tài sản được giao theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về thủy lợi, pháp luật có liên quan và quy định tại Nghị định này.

Đối với trường hợp tài sản được giao cho doanh nghiệp nhà nước theo hình thức ghi vốn/tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì việc quản lý, sử dụng tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định này.

b) Việc quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về thủy lợi và pháp luật có liên quan.

Điều 9. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân huyện quản lý theo quy định của pháp luật về thủy lợi cho đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan chuyên môn về thủy lợi

1. Thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về thủy lợi cho đơn vị sự nghiệp công lập, **cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của mình.**

2. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được đầu tư xây dựng, mua sắm mới); đơn vị chủ trì xử lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác lập quyền sở hữu toàn dân) có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi. Hồ sơ gồm:

Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có)): 01 bản chính;

Biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm mới): 01 bản chính;

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân (đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân): 01 bản chính;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản và bản sao hồ sơ kèm theo gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan. Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án giao tài sản cho đối tượng quản lý; trong đó xác định cụ thể đối tượng giao, hình thức giao, lý do giao; danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có)): 01 bản chính;

Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị dự kiến được giao tài sản: 01 bản chính;

Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;

Các hồ sơ nêu tại điểm a khoản này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về thủy lợi; cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về dự thảo phương án giao tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi hoàn thiện phương án, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án giao tài sản cho đối tượng quản lý; trong đó xác định cụ thể: đối tượng giao, hình thức giao, lý do giao, danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có)): 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Các hồ sơ nêu tại điểm b khoản này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao tài sản cho đơn vị hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản không phù hợp.

e) Quyết định giao tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

Tên đơn vị được giao tài sản;

Hình thức giao tài sản;

Danh mục tài sản giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có));

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

g) Căn cứ Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn về thủy lợi chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp và bên giao, bên nhận tài sản tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành biên bản.

3. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ đề nghị được giao tài sản và có văn bản gửi lấy ý kiến cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan. Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có)): 01 bản chính;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chuyên môn về thủy lợi; cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về dự thảo phương án giao tài sản.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm b khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi hoàn thiện phương án, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị kèm theo phương án giao tài sản trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan có liên quan: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Các hồ sơ nêu tại điểm a khoản này: 01 bản sao;

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao và khai thác tài sản không phù hợp.

e) Quyết định giao tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

Tên cơ quan đề nghị giao lại tài sản;

Tên cơ quan chuyên môn về thủy lợi được giao tài sản;

Hình thức giao tài sản;

Danh mục tài sản giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có));

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Sau khi tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng cấp thủy lợi:

a) Cơ quan, đơn vị được giao tài sản có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản, thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về thủy lợi và pháp luật có liên quan.

b) Việc quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về thủy lợi và pháp luật có liên quan.

Mục 2.

HỒ SƠ QUẢN LÝ, KẾ TOÁN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 10. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm:

a) Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản:

Quyết định giao, điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền; biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản;

Hồ sơ pháp lý về đất (Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất);

Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

b) Báo cáo kê khai lần đầu, báo cáo kê khai bổ sung theo quy định tại **Điều 31** Nghị định này (theo các Mẫu số 01A, 01B, 01C và 01D quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

c) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại **Điều 31** Nghị định này (theo các Mẫu số 02A, 02B, 02C, 03A, 03B, 03C, 03D, 03Đ và 03E quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

d) Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Nghị định này.

2. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi chịu trách nhiệm lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

Điều 11. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có kết cấu độc lập hoặc một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định là một đối tượng ghi sổ kế toán.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý thì đối tượng ghi sổ kế toán là phần tài sản được giao cho từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phù hợp với nguyên tắc nêu trên.

2. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có trách nhiệm:

a) Mở sổ và thực hiện kế toán tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định tại Nghị định này.

b) Thực hiện báo cáo tình tăng, giảm, trích khấu hao, tính hao mòn tài sản theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc ghi sổ kế toán trong một số trường hợp:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi sử dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà đã có thông tin giá trị trên sổ kế toán thì sử dụng thông tin giá trị đã có để ghi sổ kế toán.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi sử dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì sử dụng giá trị theo đánh giá lại; hoặc giá trị đầu tư của công trình có cấp, hạng, quy mô công suất tương đương (đã có thông tin giá trị trên sổ kế toán), sau khi đã trừ đi giá trị của thời gian đã sử dụng để ghi sổ kế toán.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được mua sắm, đầu tư xây dựng, hoàn thành đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì giá trị ghi sổ kế toán là giá trị mua sắm, quyết toán theo quy định.

Trường hợp tài sản được đầu tư xây dựng, hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thì sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán; nguyên giá tạm tính được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: giá trị đề nghị quyết toán; giá trị xác định theo **Biên bản nghiệm thu AB**; giá trị dự toán của dự án đã được phê duyệt. Khi có quyết toán được phê duyệt, kế toán thực hiện điều chỉnh giá trị đã ghi sổ theo quy định của pháp luật về kế toán.

d) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong quá trình quản lý, sử dụng được nâng cấp, mở rộng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì khi quyết toán dự án dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, kế toán thực hiện ghi tăng giá trị tài sản theo giá trị quyết toán được phê duyệt.

Mục 3. BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 12. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải được bảo trì theo trình tự, quy trình, kế hoạch và tiêu chuẩn, định mức nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của tài sản, bảo đảm hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng, khai thác.

2. Việc xác định chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện theo quy định của pháp luật về chi phí bảo trì công trình xây dựng.

3. *Chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được tính vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được giao cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước (được giao tài sản theo hình thức không*

tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) theo quy định của Chính phủ về quy định về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách của Nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi; trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

Trường hợp chi phí bảo trì không tính đủ vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể để xem xét, quyết định bố trí kinh phí bảo trì tài sản từ ngân sách nhà nước. Việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Đối với tài sản trong thời gian cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản mà tổ chức thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác có nghĩa vụ thực hiện việc bảo trì theo Hợp đồng ký kết thì việc bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do tổ chức được thuê quyền khai thác hoặc được nhận chuyển nhượng quyền khai thác thực hiện theo quy định của pháp luật về thủy lợi và pháp luật có liên quan.

5. Đối với tài sản giao cho doanh nghiệp nhà nước theo hình thức ghi vốn/ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì việc bảo trì tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về thủy lợi và pháp luật có liên quan.

Điều 13. Tổ chức thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với trường hợp bố trí kinh phí bảo trì từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước:

a) Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức, đơn giá bảo trì và khối lượng công việc cần thực hiện; cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước.

b) Trên cơ sở quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp thủy lợi được giao quản lý tài sản.

c) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp thủy lợi tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước về công tác bảo trì tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì tài sản trung hạn 03 năm và 05 năm trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 05 năm thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Việc lựa chọn đơn vị thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan; trừ trường hợp Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ về

sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc giao việc bảo trì cho nhà thầu thi công theo quy định của pháp luật.

4. Việc thanh toán, quyết toán kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Mục 4. KHAI THÁC TÀI SẢN HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 14. Phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước (được giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trực tiếp thực hiện khai thác;

2. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

3. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

4. *Hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ;*

5. Phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trực tiếp thực hiện khai thác

1. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (được giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trực tiếp thực hiện khai thác thông qua việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

2. Việc đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

3. Việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thực hiện theo quy định của Luật Thủy lợi, quy định của Chính phủ về quy định về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách của Nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 16. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp thủy lợi

1. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi áp dụng đối với tài sản được giao cho đơn vị sự nghiệp công lập, giao cho doanh nghiệp nhà nước (theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp).

Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Hợp đồng cho thuê nhưng tối đa không quá thời gian sử dụng còn lại của tài sản theo quy định của pháp luật; trường hợp việc cho thuê quyền khai thác có nhiều tài sản với thời gian sử dụng còn lại khác nhau thì thời hạn cho thuê quyền khai thác không quá thời hạn sử dụng còn lại của tài sản có thời hạn sử dụng còn lại nhiều nhất.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài

sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, tài sản hình thành từ dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ý kiến của Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan;

b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc trung ương quản lý không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này, sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này trên cơ sở đề nghị của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản, ý kiến của cơ quan tài chính cấp tỉnh và cơ quan có liên quan.

3. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện thông qua hình thức đấu giá. Tiêu chí lựa chọn tổ chức tham gia đấu giá gồm:

a) Tổ chức tham gia đấu giá thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải có chức năng cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi, pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

b) Có khả năng tài chính; có năng lực quản lý, vận hành và khai thác công trình hạ tầng thủy lợi.

4. Trình tự, thủ tục đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lập phương án cho thuê quyền khai thác tài sản và có văn bản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:

Phương án cho thuê quyền khai thác tài sản theo **Mẫu số 04A** quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lý tài sản gửi hồ sơ tới cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) có trách nhiệm tổng hợp, có văn bản (kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này), gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp phải trình qua nhiều cơ quan quản lý cấp trên mới đến cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì phải báo cáo lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (bản chính) quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này gửi lấy ý kiến của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) và cơ quan có liên quan.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về thủy lợi; cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương

quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý), cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về phương án cho thuê quyền khai thác tài sản.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm d khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi thực hiện:

Chỉ đạo đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ;

Có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ đã hoàn thiện, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

Đối với trường hợp phương án cho thuê quyền khai thác tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo bản chính hồ sơ quy định tại điểm đ khoản này và ý kiến của các cơ quan có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

5. Căn cứ phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước được giao tài sản tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản như sau:

a) Xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

b) Tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

c) Ký Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

6. Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của bên cho thuê.

b) Thông tin của bên thuê.

c) Danh mục tài sản được cho thuê quyền khai thác (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản).

d) Thời hạn cho thuê; giá cho thuê; phương thức và thời hạn thanh toán tiền thuê, tiền chậm nộp (nếu có); trách nhiệm và yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản.

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

e) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Quyền của bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Trực tiếp tổ chức vận hành, khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký kết.

b) Quyết định việc vận hành, khai thác tài sản đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về thủy lợi.

c) Được thu tiền kinh doanh sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết.

d) Thực hiện các quyền khác của bên thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

8. Nghĩa vụ của bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Bảo quản tài sản thuê (bao gồm cả đất gắn với tài sản); không để thất thoát, lấn chiếm và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

b) Sử dụng, khai thác tài sản thuê đúng mục đích; không được chuyển nhượng, bán, tặng cho, thế chấp, góp vốn.

c) Thực hiện bảo trì tài sản đúng yêu cầu kỹ thuật và các quy định khác theo Hợp đồng đã ký kết; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (nếu có).

d) Thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng.

đ) Định kỳ hoặc đột xuất thông báo với bên cho thuê về tình trạng của tài sản, đảm bảo hoạt động tưới, tiêu, phòng, chống thiên tai theo đúng quy định của pháp luật về thủy lợi.

e) Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên cho thuê; cùng bên cho thuê giải quyết phát sinh, vướng mắc.

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng.

9. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

10. Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

Điều 17. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp thủy lợi áp dụng đối với tài sản được giao cho đơn vị sự nghiệp công lập, giao cho doanh nghiệp nhà nước (theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp).

Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Hợp đồng chuyển nhượng nhưng tối đa không quá 20 năm.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, tài sản hình thành từ dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ý kiến của Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan;

b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tài phê duyệt phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc trung ương quản lý không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này, sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

quản lý không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này trên cơ sở đề nghị của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản, ý kiến của cơ quan tài chính cấp tỉnh và cơ quan có liên quan.

3. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện thông qua hình thức đấu giá. Tiêu chí lựa chọn tổ chức tham gia đấu giá gồm:

a) Tổ chức tham gia đấu giá nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải có chức năng cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi, pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan; có năng lực quản lý, vận hành và khai thác công trình thủy lợi.

b) Có năng lực về tài chính để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư.

4. *Trình tự, thủ tục đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:*

a) *Đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lập phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và có văn bản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:*

Phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo Mẫu số 04B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lý tài sản gửi hồ sơ tới cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) *Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) có trách nhiệm tổng hợp, có văn bản (kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này), gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*

Trường hợp phải trình qua nhiều cơ quan quản lý cấp trên mới đến cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì phải báo cáo lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

c) *Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (bản chính) quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này gửi lấy ý kiến của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) và cơ quan có liên quan.*

d) *Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về thủy lợi; cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý), cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về phương án cho thuê quyền khai thác tài sản.*

đ) *Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các*

cơ quan quy định tại điểm d khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi thực hiện:

Chỉ đạo đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ;

Có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ đã hoàn thiện, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

Đối với trường hợp phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp có văn bản kèm theo bản chính hồ sơ quy định tại điểm đ khoản này và ý kiến của các cơ quan có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

6. Căn cứ phương án chuyển nhượng có thời hạn tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước được giao tài sản tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản như sau:

a) Xác định giá khởi điểm chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

b) Tổ chức đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

c) Ký Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

7. Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của bên chuyển nhượng.

b) Thông tin của bên nhận chuyển nhượng.

c) Danh mục tài sản được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản).

d) Thời hạn chuyển nhượng; giá chuyển nhượng; phương thức và thời hạn thanh toán tiền nhận chuyển nhượng, tiền chậm nộp (nếu có); hạng mục công trình đầu tư, nâng cấp theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trách nhiệm và yêu cầu kỹ thuật bảo trì tài sản; các nội dung cần thiết khác.

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

e) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

8. Tổ chức nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có trách nhiệm thanh toán tiền nhận chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng chuyển nhượng.

Trường hợp quá thời hạn quy định tại khoản này mà tổ chức nhận chuyển nhượng chưa thanh toán đủ số tiền theo Hợp đồng chuyển nhượng đã được ký kết thì cơ quan chuyên môn về thủy lợi, đơn vị được giao quản lý tài sản có văn bản kèm theo bản sao Hợp đồng chuyển nhượng và chứng từ về việc nộp tiền của tổ chức nhận chuyển nhượng quyền khai thác gửi về Cục thuế để xác định và ra thông báo về số tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

9. Quyền của bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Trực tiếp tổ chức vận hành, khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký kết.

b) Quyết định việc vận hành, khai thác tài sản đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về thủy lợi.

c) Được thu tiền kinh doanh sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết.

d) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

10. Nghĩa vụ của bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Thực hiện đầu tư dự án nhận chuyển nhượng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt đúng tiến độ, chất lượng.

b) Bảo quản tài sản (bao gồm cả đất gắn với tài sản); không để bị lấn chiếm và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

c) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích; không được chuyển nhượng, bán, tặng cho, thế chấp, góp vốn.

d) Thực hiện bảo trì tài sản đúng yêu cầu kỹ thuật và các quy định khác theo Hợp đồng đã ký kết; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (nếu có).

đ) Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng.

e) Định kỳ hoặc đột xuất thông báo với cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển nhượng về tình trạng của tài sản, đảm bảo hoạt động tưới, tiêu, phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

g) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển nhượng; cùng cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển nhượng giải quyết phát sinh, vướng mắc.

h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng.

11. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

12. Số tiền thu được từ chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

13. Khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác hoặc chấm dứt Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác trước thời hạn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thì việc xử lý tài sản thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 01 năm trước ngày chấm dứt Hợp đồng chuyển nhượng

quyền khai thác, Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gửi hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản đến cơ quan ký kết hợp đồng;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chuyển giao, cơ quan ký kết hợp đồng chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính và các cơ quan khác có liên quan (nếu cần) thực hiện:

- Tổ chức giám định chất lượng, giá trị, tình trạng tài sản theo nguyên tắc, điều kiện thỏa thuận tại hợp đồng dự án.

- Lập danh mục tài sản chuyển giao.

- Lập biên bản xác định các hư hại của tài sản (nếu có) để yêu cầu doanh Bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản thực hiện việc sửa chữa, bảo trì tài sản.

- Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đáp ứng các yêu cầu, cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện ký biên bản nhận chuyển giao tài sản.

- Báo cáo cơ quan có thẩm quyền về việc giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định này để tiếp tục quản lý, vận hành theo quy định của pháp luật.

c) Cơ quan ký kết hợp đồng có trách nhiệm đề nghị Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán giá trị tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, làm cơ sở để hạch toán tài sản theo quy định.

Điều 18. Giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là khoản tiền đơn vị thuê, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải trả cho Nhà nước để được sử dụng, khai thác tài sản theo Hợp đồng ký kết.

2. Giá cho thuê là giá thu cố định hoặc giá thu biến đổi hoặc bao gồm cả giá thu cố định và giá thu biến đổi.

a) Giá thu cố định được xác định trên cơ sở hao mòn tài sản, tiền trả nợ gốc và lãi vay (nếu có), chi phí phục vụ quản lý, khai thác tài sản;

b) Giá thu biến đổi được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) của doanh thu khai thác tài sản cho thuê hàng năm.

3. Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định như sau:

a) Trường hợp giá cho thuê là giá thu cố định thì giá khởi điểm để đấu giá là giá thu cố định;

b) Trường hợp giá cho thuê là giá thu biến đổi thì giá khởi điểm để đấu giá là giá thu biến đổi;

c) Trường hợp giá cho thuê bao gồm cả giá thu cố định và giá thu biến đổi thì cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án lựa chọn giá thu cố định hoặc giá thu biến đổi để xác định giá khởi điểm để đấu giá theo nguyên tắc ưu tiên giá thu cố định khi có đầy đủ các yếu tố để xác định giá.

4. Giá khởi điểm chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác định theo phương pháp so sánh, phương pháp doanh thu - chi phí.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể Điều này.

Điều 19. Hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quỹ đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quỹ đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng BCC) không thành lập pháp nhân mới theo quy định của pháp luật về đầu tư. Việc hợp tác kinh doanh không ảnh hưởng đến thực hiện các nhiệm vụ công ích, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai.

2. Thẩm quyền phê duyệt Phương án hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quỹ đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quỹ đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, tài sản hình thành từ dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ý kiến của Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan;

b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tài phê duyệt Phương án hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quỹ đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc trung ương quản lý không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này, sau khi có ý kiến tham gia của Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Phương án hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quỹ đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này trên cơ sở đề nghị của cơ quan được giao quản lý tài sản ở địa phương, ý kiến của cơ quan tài chính cấp tỉnh và cơ quan có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quỹ đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lập phương án hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quỹ đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và có văn bản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:

Phương án hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quỹ đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo **Mẫu số 04C** quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (giá trị của phần diện tích thuộc quỹ đất, mặt nước sử dụng để hợp tác kinh doanh được xác định theo giá thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai): 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lý tài sản gửi hồ sơ tới cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) có trách nhiệm tổng hợp, có văn bản (kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này), gửi cơ quan chuyên môn

về thủy lợi.

Trường hợp phải trình qua nhiều cơ quan quản lý cấp trên mới đến cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì phải báo cáo lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (bản chính) quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này gửi lấy ý kiến của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) và cơ quan có liên quan.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về thủy lợi; cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý), cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về phương án cho thuê quyền khai thác tài sản.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm d khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi thực hiện:

Chỉ đạo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ;

Có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ đã hoàn thiện, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quỹ đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quỹ đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

Đối với trường hợp phương án hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quỹ đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo bản chính hồ sơ quy định tại điểm đ khoản này và ý kiến của các cơ quan có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

4. Lựa chọn đối tác để hợp tác kinh doanh:

a) Căn cứ Phương án hợp tác kinh doanh trong cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quỹ đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt tại khoản 3 Điều này, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện thông báo công khai về việc lựa chọn đối tác hợp tác kinh doanh trên Trang thông tin của đơn vị (nếu có), Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan trung ương, địa phương. Thông báo công khai về việc lựa chọn đối tác gồm các nội dung chủ yếu sau:

Thông tin của đơn vị có tài sản hợp tác kinh doanh;

*Tài sản dự kiến hợp tác kinh doanh;
 Phương án hợp tác kinh doanh;
 Tiêu chí lựa chọn đối tác để thực hiện hợp tác kinh doanh theo quy định tại điểm c khoản này;*

Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký.

b) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi căn cứ hồ sơ đăng ký tham gia hợp tác kinh doanh của các tổ chức, cá nhân và tiêu chí quy định tại điểm c khoản này để lựa chọn đối tác tham gia hợp tác kinh doanh và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn của mình.

c) Tiêu chí lựa chọn đối tác tham gia liên doanh, liên kết bao gồm:

- Năng lực, kinh nghiệm của đối tác trong lĩnh vực liên quan đến hợp tác kinh doanh;

- Hiệu quả của phương án tài chính;

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết của đối tác bảo đảm cho việc hợp tác kinh doanh;

- Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn hợp tác kinh doanh;

- Các tiêu chí khác phù hợp với mục đích hợp tác kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị do Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quyết định.

5. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

6. Số tiền thu được từ hợp tác kinh doanh trong cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quỹ đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

7. Sau khi hết thời hạn hợp tác kinh doanh thì việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đưa vào hợp tác kinh doanh theo nguyên tắc sau:

a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiếp tục quản lý, sử dụng hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này;

b) Trường hợp các bên tham gia hợp tác kinh doanh tự nguyện chuyển giao không bồi hoàn quyền sở hữu phần tài sản của mình cho Nhà nước, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp báo cáo cơ quan chuyên môn về thủy lợi thực hiện xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của Chính phủ về trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Điều 20. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

Số tiền thu được từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan được phân chia, sử dụng vào các mục đích theo quy định tại Điều 38 Luật Thủy lợi và hướng dẫn của Bộ Tài chính sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước.

Điều 21. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và

hợp tác kinh doanh khai thác quặng đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Số tiền thu được từ việc cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và *hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quặng đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi* được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản sau đây làm chủ tài khoản:

a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc khai thác;

b) Sở Tài chính đối với tài sản do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định khai thác đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố; tài sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân phân cấp quyết định khai thác.

2. Chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, *hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quặng đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi* phải được lập dự toán và do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đối với tài sản thuộc trung ương quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đối với tài sản thuộc địa phương quản lý gồm:

a) Chi phí kiểm kê, xác định giá, tổ chức cho thuê quyền khai thác và chi phí khác có liên quan trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

b) Chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá và chi phí khác có liên quan trong trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

c) *Chi phí kiểm kê, xác định giá, tổ chức hợp tác kinh doanh cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với quặng đất, mặt nước thuộc tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và chi phí khác có liên quan;*

3. Việc lập dự toán chi phí; trình tự, thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện theo quy định Điều 28 Nghị định này.

4. Định kỳ hằng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ khai thác tài sản sau khi đã hoàn thành việc thanh toán chi phí vào ngân sách nhà nước và được sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về thủy lợi và pháp luật có liên quan.

Mục 5. XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 22. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Thu hồi tài sản.
2. Điều chuyển tài sản.
3. Bán tài sản.

4. Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý
5. Thanh lý tài sản.
6. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.
7. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý;
- b) Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai quy định;
- c) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả *hoặc vi phạm quy định của pháp luật trong quá trình khai thác theo các hình thức quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 14 Nghị định này*;
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi:

- a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi trung ương quản lý;
- b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản thuộc phạm vi quản lý thuộc phạm vi địa phương quản lý.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thu hồi được giao cho cơ quan chuyên môn về thủy lợi quản lý để xử lý theo các hình thức sau:

- a) Điều chuyển;
- b) Bán;
- c) Giao cho đối tượng quản lý theo quy định tại Nghị định này.

4. *Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi*

a) *Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản có văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:*

Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có), tình trạng tài sản): 01 bản chính;

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lý tài sản gửi hồ sơ tới cơ quan chuyên môn về thủy lợi.

b) *Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) có trách nhiệm tổng hợp, có văn bản (kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này), gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi.*

Trường hợp phải trình qua nhiều cơ quan quản lý cấp trên mới đến cơ quan chuyên môn về thủy lợi thì phải báo cáo lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

c) *Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (bản chính) quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này gửi lấy ý kiến của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) và cơ quan có liên quan (nếu có) để có ý kiến về việc thu hồi tài sản.*

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chuyên môn về thủy lợi, cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về đề nghị thu hồi tài sản.

đ) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản đề nghị (kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan) và hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.

g) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định thu hồi tài sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bị thu hồi thực hiện bàn giao tài sản cho cơ quan chuyên môn về thủy lợi để xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều này, thực hiện báo cáo tài sản theo **Mẫu số 01B, Mẫu số 01B** quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thời gian chờ cơ quan, người có thẩm quyền xử lý tài sản thu hồi theo quy định của pháp luật, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản và đảm bảo việc vận hành không bị gián đoạn (nếu tài sản vẫn đang trong tình trạng hoạt động) theo quy định của pháp luật.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và đề nghị của cơ quan chuyên môn về thủy lợi và các cơ quan quản lý nhà nước khác:

Căn cứ kết luận, quyết định, đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan chuyên môn về thủy lợi và các cơ quan quản lý nhà nước khác; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng gồm:

- a) Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bị thu hồi;
- b) Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có), tình trạng); lý do thu hồi;
- c) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Điều 24. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện điều chuyển trong các trường hợp sau:

- a) Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản;
- b) Tài sản được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;
- c) Trường hợp khác theo quyết định của pháp luật.

Việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước được giao tài sản theo hình thức ghi vốn/tặng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa trung ương và địa phương;

b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản hạ tầng thủy lợi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm:

a) Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản (trong đó nêu rõ lý do điều chuyển): 01 bản chính.

b) Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính.

c) Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có), tình trạng tài sản): 01 bản chính;

d) Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

4. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản điều chuyển lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lý tài sản gửi hồ sơ tới cơ quan chuyên môn về thủy lợi.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) tổng hợp, có văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ gửi lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này gửi lấy ý kiến của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) và cơ quan có liên quan (nếu có) để có ý kiến về việc điều chuyển tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chuyên môn về thủy lợi, cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) và cơ quan có liên quan (nếu có) có trách nhiệm cho ý kiến về đề nghị điều chuyển tài sản.

đ) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) và cơ quan có liên quan (nếu có), cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản đề nghị và hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản này để

Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2

Điều này có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản (đối với trường hợp điều chuyển tài sản từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về địa phương) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với trường hợp điều chuyển tài sản từ địa phương về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định điều chuyển tài sản đối với tài sản thuộc thẩm quyền điều chuyển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Có văn bản kèm theo hồ sơ điều chuyển tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản này gửi Bộ Tài chính để xem xét, Quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này đối với trường hợp điều chuyển tài sản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

5. Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm:

Cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển;

Cơ quan, đơn vị nhận tài sản điều chuyển;

Danh mục tài sản điều chuyển (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, mục đích sử dụng hiện tại);

Lý do điều chuyển;

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định điều chuyển tài sản của cấp có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển và cơ quan, đơn vị nhận tài sản có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản;

Thực hiện kế toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành;

Thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

7. Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định. Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản trong trường hợp điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng.

Điều 25. Bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Việc bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được áp dụng trong trường hợp tài sản bị thu hồi theo quy định tại Nghị định này mà không xử lý được theo hình thức giao, điều chuyển quy định tại Điều 7, 8, 9, 24 Nghị định này.

2. Việc bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo hình thức đấu giá theo quy định của pháp luật.

a) Tổ chức tham gia đấu giá mua tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải có chức năng về hoạt động thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi; có khả năng tài chính; có năng lực quản lý, vận hành và khai thác công trình thủy lợi.

b) Tổ chức mua tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện quản lý, sử dụng vào mục đích thủy lợi (không thay đổi công năng sử dụng của tài sản) theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về thủy lợi và pháp luật có liên quan.

c) Tổ chức mua tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện việc quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản đã mua theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về thủy lợi và pháp luật có liên quan áp dụng đối với loại hình tổ chức mua tài sản.

3. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định bán đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn với đất liên quan đến có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, tài sản hình thành từ dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan;

b) Bộ trưởng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc trung ương quản lý không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

4. Hồ sơ đề nghị bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bán (trong đó nêu rõ lý do bán): 01 bản chính.

b) Danh mục tài sản điều chuyển (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản, mục đích sử dụng hiện tại): 01 bản chính.

c) Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

5. Trình tự, thủ tục bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lập có văn bản đề nghị bán tài sản kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lý tài sản gửi hồ sơ tới cơ quan chuyên môn về thủy lợi.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) có trách nhiệm tổng hợp, có văn bản (kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này), gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi.

Trường hợp phải trình qua nhiều cơ quan quản lý cấp trên mới đến cơ quan chuyên môn về thủy lợi thì phải báo cáo lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (bản chính) quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này gửi lấy ý kiến của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) và cơ quan có liên quan.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về thủy lợi; cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý), cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về bán tài sản.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm d khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi thực hiện:

Chỉ đạo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ;

Có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ đã hoàn thiện, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, Quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

Đối với trường hợp bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo bản chính hồ sơ quy định tại điểm đ khoản này và ý kiến của các cơ quan có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

6. Xác định giá khởi điểm để đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Giá khởi điểm để đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải đảm bảo phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương; không thấp hơn giá trị đánh giá lại của tài sản theo quy định của pháp luật; không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

b) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá hoặc chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng định giá để xác định giá khởi điểm, gửi Sở Tài chính thẩm định; trên cơ sở đó, cơ quan chuyên môn về thủy lợi tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá tài sản.

7. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi có trách nhiệm thuê tổ chức đấu giá để đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. Việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trình tự, thủ tục đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Ưu tiên đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi qua Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công. Thông tin về việc đấu giá được niêm yết, thông báo công khai theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và đăng tải trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công hoặc Trang thông tin điện tử về tài sản công.

8. Tổ chức trúng đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản trong thời hạn không quá 180 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản theo tiến độ 02 lần; trong đó, lần thứ nhất phải thanh toán tối thiểu 50% giá trị hợp đồng trong vòng 90 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định nêu trên (được quy định tại Hợp đồng mua bán tài sản) mà tổ chức trúng đấu giá tài sản chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ tiền mua tài sản thì phải nộp khoản tiền chậm nộp; mức tiền chậm nộp áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng mua bán tài sản và chứng từ về việc nộp tiền của tổ chức mua tài sản gửi Cục thuế để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

9. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công cho tổ chức mua tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công sau khi tổ chức mua tài sản hoàn thành việc thanh toán và thực hiện bàn giao tài sản tại nơi có tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành biên bản.

10. Thời hạn thanh toán tiền mua tài sản; thời hạn bàn giao tài sản; xử lý trách nhiệm của các bên trong trường hợp vi phạm Hợp đồng mua bán; thời hạn áp dụng biện pháp thu hồi tài sản mà không phải bồi hoàn trong trường hợp quá thời hạn thanh toán mà chưa thanh toán đủ phải được quy định trong Quy chế bán đấu giá tài sản, Hợp đồng mua bán tài sản.

Căn cứ thời hạn áp dụng biện pháp thu hồi tài sản được quy định tại Quy chế đấu giá tài sản, Hợp đồng mua bán tài sản, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc thu hồi tài sản và không hoàn trả số tiền đã thanh toán cho tổ chức mua tài sản theo đề nghị của cơ quan chuyên môn về thủy lợi.

11. Xử lý trong trường hợp đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không thành:

- a) Tổ chức đấu giá lại đối với trường hợp đấu giá lần đầu không thành.
- b) Trường hợp sau 02 lần tổ chức đấu giá không thành, cơ quan chuyên môn về thủy lợi báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện việc thay đổi phương án bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại khoản 10 Điều này.

12. Thủ tục thay đổi phương án bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

- a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được việc đấu giá không thành, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định đấu giá tài sản. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề nghị hủy bỏ quyết định đấu giá tài sản của cơ quan chuyên môn về thủy lợi (trong đó nêu rõ lý do đấu giá không thành và mô tả đầy đủ quá trình tổ chức đấu giá): 01 bản chính;

Quyết định đấu giá tài sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 01 bản sao;

Biên bản đấu giá tài sản (nếu có) và các hồ sơ liên quan đến quá trình tổ chức đấu giá tài sản: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định đấu giá tài sản hoặc có văn bản yêu cầu tổ chức đấu giá lại.

Trường hợp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định hủy bỏ quyết định đấu giá tài sản, cơ quan chuyên môn về thủy lợi lập hồ sơ đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện giao tài sản theo quy định Điều 14 Nghị định này.

13. Số tiền thu được từ đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

Điều 26. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi về địa phương quản lý, xử lý

1. Việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong trường hợp doanh nghiệp nhà nước được giao tài sản không còn nhu cầu sử dụng tài sản.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về địa phương quản lý, xử lý.

3. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý:

a) Doanh nghiệp nhà nước được giao tài sản có văn bản đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý kèm theo 01 bộ hồ sơ, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). Hồ sơ gồm:

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý (chủng loại, số lượng, tình trạng, nguyên giá, giá trị còn lại): 01 bản chính;

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lý tài sản gửi hồ sơ tới cơ quan chuyên môn về thủy lợi.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) có trách nhiệm tổng hợp, có văn bản (kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này), gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi.

Trường hợp phải trình qua nhiều cơ quan quản lý cấp trên mới đến cơ quan chuyên môn về thủy lợi thì phải báo cáo lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (bản chính) quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này gửi lấy ý kiến của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan (nếu cần) để cho ý kiến về việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chuyên môn về thủy lợi, cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về việc chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

đ) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản đề nghị (kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan) và hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản đề nghị chuyển giao hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý không phù hợp.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản đề nghị chuyển giao có trách nhiệm cho ý kiến về việc nhận chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

g) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản đề nghị chuyển giao, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, ban hành Quyết định chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Nội dung chủ yếu của Quyết định gồm:

Tên cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý;

Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý (chủng loại, số lượng, tình trạng, nguyên giá, giá trị còn lại); lý do chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý;

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

h) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; doanh nghiệp nhà nước có tài sản thực hiện bàn giao tài sản cho cơ quan chuyên môn về thủy lợi thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xử lý theo quy định và thực hiện báo cáo tài sản theo quy định tại Nghị định này.

i) Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn về thủy lợi căn cứ quy định của pháp luật và hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thanh lý trong các trường hợp sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi bị hư hỏng không thể sử dụng hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả;

b) Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cũ để đầu tư xây dựng tài hạ tầng thủy lợi mới theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không sử dụng được theo công năng của tài sản;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý.

3. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ thì vật tư, vật liệu thu hồi được xử lý theo các hình thức quy định tại Điều 14 Nghị định này.

4. Hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý (trong đó nêu rõ lý do thanh lý): 01 bản chính.

b) Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (chủng loại, số lượng, tình trạng, nguyên giá, giá trị còn lại, lý do thanh lý): 01 bản chính.

c) Văn bản tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi của cơ quan, đơn vị (trường hợp vật liệu, vật tư thu hồi được xử lý điều chuyển) (nếu có): 01 bản chính;

d) Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

5. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lập có văn bản đề nghị thanh lý tài sản kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lập hồ sơ gửi hồ sơ tới cơ quan chuyên môn về thủy lợi.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) có trách nhiệm tổng hợp, có văn bản (kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này), gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi.

Trường hợp phải trình qua nhiều cơ quan quản lý cấp trên mới đến cơ quan chuyên môn về thủy lợi thì phải báo cáo lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (bản chính) quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này gửi lấy ý kiến của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) và cơ quan có liên quan.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về thủy lợi; cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý), cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về bán tài sản.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm d khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi thực hiện:

Chỉ đạo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ;

Có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ đã hoàn thiện, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, Quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm:

Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước có tài sản thanh lý;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (chủng loại, số lượng, tình trạng, nguyên giá, giá trị còn lại); lý do thanh lý;

Hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có); tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi (trường hợp đã xác định được đối tượng tiếp nhận);

Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý;

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

g) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước được giao tài sản tổ chức thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện phá dỡ, hủy bỏ tài sản; kiểm đếm, phân loại vật liệu, vật tư thu hồi.

Đối với vật liệu, vật tư thu hồi được xử lý theo hình thức bán thì thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Đối với vật liệu, vật tư thu hồi được xử lý theo hình thức điều chuyển thì thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) (trường hợp không sử dụng cho mục đích làm tài sản kết cấu hạ tầng) hoặc thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định này (trường hợp sử dụng cho tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi).

h) Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản thực hiện kê toán giảm tài sản, báo cáo theo quy định tại Nghị định này (theo Mẫu 01B, Mẫu 01C quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

6. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định này.

Điều 28. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý.

3. Hồ sơ đề nghị xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Văn bản đề nghị xử lý của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước được giao quản lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do): 01 bản chính.

b) Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (chủng loại, số lượng, tình trạng, nguyên giá, giá trị còn lại): 01 bản chính.

c) Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính.

d) Các hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại (nếu có): 01 bản sao.

4. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lập có văn bản đề nghị xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản lý tài sản gửi hồ sơ tới cơ quan chuyên môn về thủy lợi.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) có trách nhiệm tổng hợp, có văn bản (kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này), gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi.

Trường hợp phải trình qua nhiều cơ quan quản lý cấp trên mới đến cơ quan chuyên môn về thủy lợi thì phải báo cáo lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (bản chính) quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi có văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này gửi lấy ý kiến của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) và cơ quan có liên quan.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về thủy lợi; cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan tài chính cùng cấp (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý), cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về bán tài sản.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm d khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi thực hiện:

Chỉ đạo cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ;

Có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ đã hoàn thiện, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ

quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm:

Tên cơ quan, đơn vị có tài sản bị mất, bị hủy hoại;

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (chủng loại, số lượng, tình trạng, nguyên giá, giá trị còn lại); lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại;

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo theo quy định tại Nghị định này (báo cáo theo Mẫu 01B, Mẫu 01C quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

6. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả, sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi để đảm bảo khôi phục hoạt động.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi bị mất, bị hủy hoại được doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc bồi thường thiệt hại tài sản được thực hiện theo quy định Điều 29 Nghị định này. Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

Điều 30. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (bao gồm cả tiền do doanh nghiệp bảo hiểm và các tổ chức, cá nhân khác bồi thường) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công sau đây làm chủ tài khoản:

a) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản công do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xử lý;

b) Sở Tài chính nơi có tài sản đối với tài sản do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xử lý đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố.

2. Tài khoản tạm giữ được theo dõi chi tiết đối với từng cơ quan có tài sản xử lý.

3. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước (được giao tài sản theo hình thức không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp) có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản trình cơ quan, cấp có thẩm quyền quyết định phương án xử lý tài sản phê duyệt.

4. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm:

- Chi phí kiểm kê, đo vẽ;
- Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ;
- Chi phí định giá và thẩm định giá;
- Chi phí tổ chức bán;

- Chi phí hợp lý khác có liên quan.

5. Mức chi:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo Hợp đồng ký giữa cơ quan được giao quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ bán, thanh lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, cơ quan quản lý nhà nước chuyên về thủy lợi có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả. Người đứng đầu cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan được giao quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính;

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

c) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ; hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

7. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan được giao trách nhiệm tổ chức bán, thanh lý để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

8. Định kỳ hằng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản đã hoàn thành việc thanh toán chi phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

9. Trường hợp số tiền thu được từ bán, thanh lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được chi từ dự toán ngân sách nhà nước giao cho cơ quan được giao quản lý tài sản.

Mục 6.

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 31. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải được báo cáo kê khai và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi để quản lý thống nhất.

2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Báo cáo kê khai lần đầu theo **Mẫu số 01A quy định tại Phụ lục ban hành** kèm theo Nghị định này đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành (bao gồm cả công trình thủy lợi đã được báo cáo kê khai lần đầu theo quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ);

Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Báo cáo kê khai bổ sung đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi quy định tại điểm a khoản này theo các **Mẫu số 01B, 01B, 01C, 01D quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này** trong trường hợp có thay đổi thông tin về cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản hoặc thông tin về tài sản.

3. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi lập báo cáo kê khai tài sản theo các **Mẫu số 01A, 01B, 01C, 01D quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này**, gửi cơ quan quản lý cấp trên ký xác nhận để thực hiện nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Thời hạn gửi báo cáo kê khai là 30 ngày, kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc có thay đổi thông tin về đối tượng được giao tài sản, tài sản đã kê khai.

4. Hàng năm, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản (bao gồm số tiền thu được từ xử lý, từ khai thác tài sản của năm trước) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời điểm chốt số liệu báo cáo là thời điểm kết thúc năm tài chính.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm:

a) Báo cáo tình hình thực hiện việc khai thác tài sản theo từng phương thức quy định tại các **Điều 14 Nghị định này theo các Mẫu 02A, 02B, 02C quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này**;

b) Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo các **Mẫu 03A, 03B, 03C, 03D, 03Đ, 03E quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này**.

6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hàng năm thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản lập báo cáo gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong phạm vi cả nước, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu và thực hiện công khai về tài sản của cả nước.

7. Doanh nghiệp nhà nước được giao tài sản theo hình thức ghi vốn/tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện báo cáo về tài sản theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này phù hợp với đặc điểm, yêu cầu quản lý.

8. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan nhận báo cáo quy định tại khoản 6 Điều này, báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

- a) Gửi trực tiếp.
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính.
- c) Gửi qua Fax.
- d) Gửi qua hệ thống thư điện tử.
- đ) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng.
- e) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

a) Cơ sở dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước;

b) Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy;

c) Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được sử dụng làm cơ sở cho việc lập dự toán, xét duyệt quyết toán, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, điều chuyển, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng, thanh lý công trình và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

d) Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi là tài sản công, phải được bảo đảm an ninh, an toàn chặt chẽ; nghiêm cấm mọi hành vi truy cập trái phép, phá hoại, làm sai lệch thông tin trong Cơ sở dữ liệu;

đ) Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải thực hiện theo đúng quy định; không được tự ý khai thác, sử dụng thông tin khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Nội dung, cấu trúc, phương thức nhập liệu và khai thác Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế-kỹ thuật;

b) Bảo đảm tính tương thích, khả tích hợp, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã được giao cho doanh nghiệp nhà nước quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật, đã được tính thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp và doanh nghiệp đã thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định thì doanh nghiệp được tiếp tục được giao quản lý, khai thác theo quy định.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã được giao cho doanh nghiệp nhà nước quản lý, khai thác nhưng chưa được tính thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp và chưa thực hiện hạch toán, kế toán thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện rà soát và thực hiện các thủ tục giao tài sản cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đang do các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, khai thác không phải là đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Nghị định này thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện rà soát và thực hiện các thủ tục giao tài sản theo quy định tại Nghị định này.

4. Đối với Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Hợp đồng đến hết thời hạn của Hợp đồng ký kết; hết thời hạn của Hợp đồng ký kết thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Hợp đồng ký kết kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành phải thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành mà chưa thực hiện xong thì được tiếp tục thực hiện theo Quyết định đã ký và pháp luật tại thời điểm có Quyết định xử lý; trường hợp chưa có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính quy định giá quy ước để xác định giá trị tài sản khi thực hiện kế toán theo quy định;

b) Chủ trì xây dựng, ban hành chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

c) Hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên phạm vi cả nước để tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

đ) Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;

- e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này.
2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính
- a) Quy định chế độ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- b) Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- c) Hướng dẫn xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hình thức cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;
- d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc tích hợp cơ sở dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;
- đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này.
3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- a) Chỉ đạo rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;
- b) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;
- c) Chỉ đạo việc đăng nhập, chuẩn hóa dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của địa phương; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này;
- d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này.

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Điều 36. Điều khoản thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT; các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN(2)._{XH}.